BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

# BẢN TIN TUẦN

## "Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp"

## (Từ 18/05/2021 đến 24/05/2021)

## I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 18/05/2021 đến 24/05/2021

### 1. Vị trí giám sát

| TT | Tên vị trí giám sát | Nguồn/Sông | Lý do xác định vị trí giám sát |
|---|---|---|---|
| 1 | Cống Như Trác | Sông Hồng | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục. |
| 2 | Cống Hữu Bị | Sông Hồng | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục. |
| 3 | Cống Cốc Thành | Sông Đào | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản. |
| 4 | Cống sông Chanh | Sông Đào | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản. |
| 5 | Cống Nhâm Tràng | Sông Đáy | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác. |
| 6 | Cống Kinh Thanh | Sông Đáy | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm |
| 7 | Cống Cổ Đam | Sông Đáy | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên |
| 8 | Cống Vĩnh Trị | Sông Đáy | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản |
| 9 | Đầu kênh T3 | Kênh T3 | Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định. |
| 10 | Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21) | Sông Sắt | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục. |
| 11 | Cầu đường 10 với sông Sắt | Sông Sắt | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên. |
| 12 | Đập An Bài (sông | Sông Châu | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới |

| TT | Tên vị trí giám sát | Nguồn/Sông | Lý do xác định vị trí giám sát |
|---|---|---|---|
| | Châu Giang) | Giang | tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục. |
| 13 | TB triệu Xá (sông Châu Giang) | Sông Châu Giang | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm. |
| 14 | Đập La Chợ | Sông Châu Giang | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc. |
| 15 | Đập Biên Hòa | Kênh Biên Hòa | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục. |
| 16 | Đập Vùa (CG12) | Kênh Vùa | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân. |
| 17 | Cầu Chủ (sông Châu Giang) | Sông Châu Giang | Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân |
| 18 | Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy) | Kênh Kinh Thủy | Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm |
| 19 | Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh) | Kênh C19 | Kiểm tra chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện |
| 20 | Đầu kênh T6 | Kênh T6 | Kiểm tra chất lượng nước kênh T6 trước khi đổ vào sông Tiên Hương |

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2021

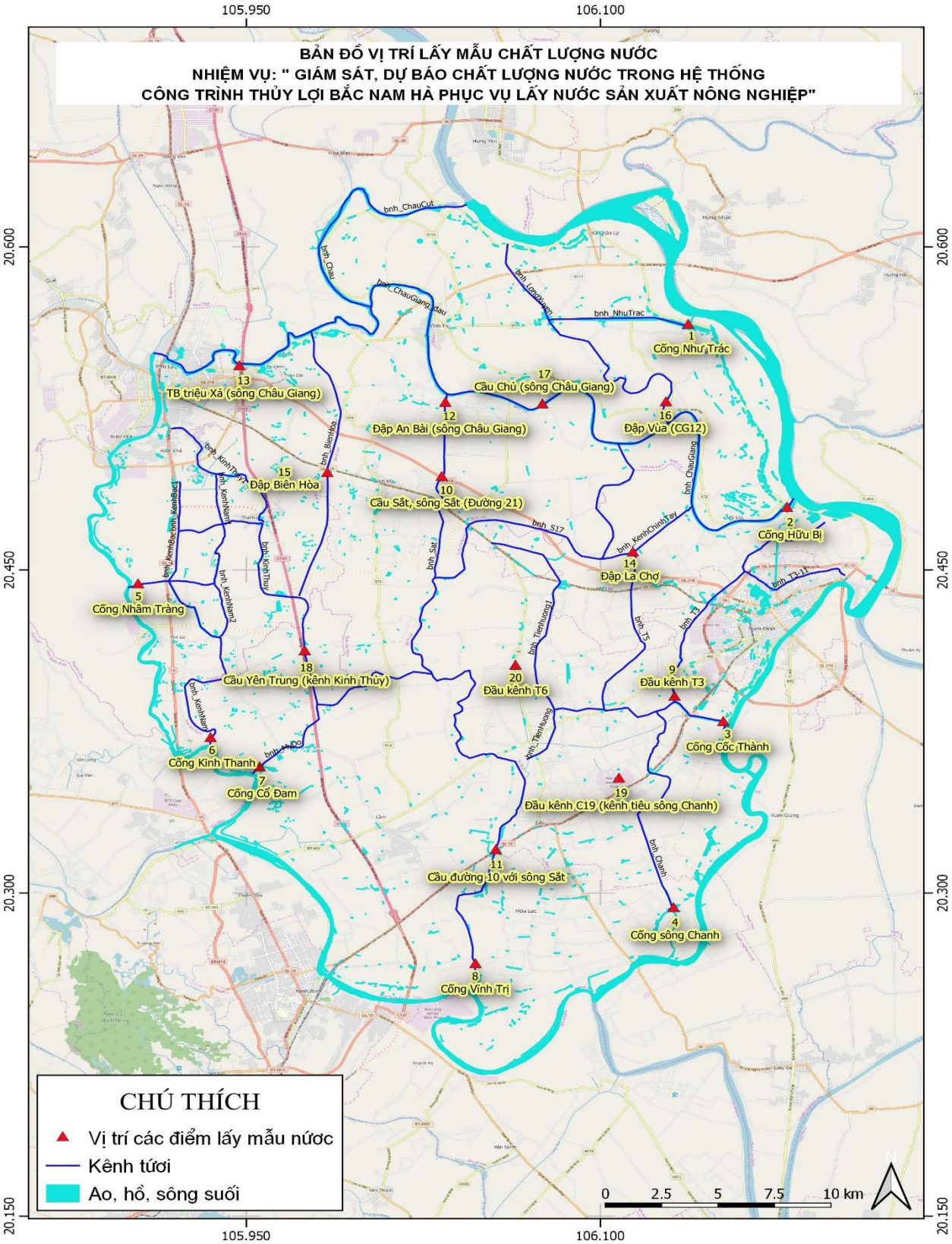

**2. Thông tin lúc giám sát**

Trong thời gian từ 18/05/2021 – 24/05/2021 không thực hiện giám sát

**3. Kết quả đo đạc**

Do không khảo sát nên không có kết quả để đánh giá, so sánh với tuần trước và cùng kỳ năm trước

## II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 18/05/2021 đến 24/05/2021

### 1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm có mưa nhỏ đến mưa vừa lượng mưa dao động từ 6-97mm.

Lượng mưa TB hiện tại tại Phủ Lý có xu thế giảm so với TBNN cùng thời kỳ, tại Nam Định có xu thế tăng.

**Bảng 1:** LƯỢNG MƯA TẠI MỘT SỐ TRẠM TRONG VÙNG

| TT | Trạm | Tỉnh | Sông | Lượng mưa tuần trước (mm) | Lượng mưa lũy tích từ tháng VI/2020 (mm) | So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%) | | | Dự báo từ 18/05 đến 24/05/2021 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | TBNN | 2020 | 2019 | |
| 1 | Nam Định | Nam Định | Đào | 128,1 | 1618 | +4 | +29 | -5 | 14,9 |
| 2 | Phủ Lý | Hà Nam | Đáy | 112,0 | 1619 | -7 | -8 | -27 | 21,6 |

**Bảng 2:** NGUỒN NƯỚC TẠI CỐNG, TRẠM BƠM

| TT | Tên công trình | Mực nước thiết kế (m) | Nhiệm vụ sản xuất (ha) | Mực nước dự báo tuần tới: (m) | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự báo MNTB so với TK (+/-: m) | Khả năng cấp nước của công trình | Diện tích bảo đảm tưới (ha) | |
| 1 | TB. Như Trác | 1,1 | 7512 | 1,1 | 100,0 | 7512 | Giảm |
| 2 | TB. Hữu Bị | 0,8 | 7501 | 1,0 | 100,0 | 7501 | Giảm |
| 3 | TB. Cốc Thành | 0,8 | 8536 | 0,8 | 100,0 | 8536 | Giảm |
| 4 | TB. Cổ Đam | 0,8 | 9651 | 0,8 | 100,0 | 9651 | Tăng |
| 5 | TB. Nhâm Tràng | 0,9 | 4415 | 0,8 | 100,0 | 4415 | Tăng |
| 6 | TB. Vĩnh Trị | 0,8 | | 0,7 | | | Tăng |

## 2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

| DO | | | | | | | | B1-QCVN 08-2015 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Vị trí | Tuần dự báo | | | | | | | |
| | 18/05 | 19/05 | 20/05 | 21/05 | 22/05 | 23/05 | 24/05 | |
| Cống Như Trác | 5,000 | 5,000 | 5,000 | 5,000 | 5,000 | 5,000 | 5,000 | ≥ 4 |
| Cống Hữu Bị | 6,776 | 6,774 | 6,773 | 6,771 | 6,769 | 6,767 | 6,765 | ≥ 4 |
| Cống Cốc Thành | 4,943 | 4,918 | 4,898 | 4,882 | 4,869 | 4,858 | 4,849 | ≥ 4 |
| Cống sông Chanh | 3,621 | 3,616 | 3,613 | 3,611 | 3,609 | 3,607 | 3,606 | ≥ 4 |
| Cống Nhâm Tràng | 5,000 | 5,000 | 5,000 | 5,000 | 5,000 | 5,000 | 5,000 | ≥ 4 |
| Cống Kinh Thanh | 5,737 | 5,750 | 5,759 | 5,761 | 5,757 | 5,748 | 5,737 | ≥ 4 |
| Cống Cổ Đam | 5,914 | 5,867 | 5,817 | 5,775 | 5,742 | 5,714 | 5,691 | ≥ 4 |
| Cống Vĩnh Trị | 4,945 | 4,952 | 4,960 | 4,968 | 4,976 | 4,984 | 4,992 | ≥ 4 |
| Đầu kênh T3 | 5,907 | 5,779 | 5,682 | 5,606 | 5,545 | 5,493 | 5,450 | ≥ 4 |
| Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21) | 6,109 | 6,133 | 6,141 | 6,141 | 6,136 | 6,128 | 6,118 | ≥ 4 |
| Cầu đường 10 với sông Sắt | 5,036 | 5,048 | 5,057 | 5,065 | 5,071 | 5,076 | 5,081 | ≥ 4 |
| Đập An Bài (sông Châu Giang) | 6,443 | 6,438 | 6,429 | 6,419 | 6,408 | 6,396 | 6,383 | ≥ 4 |
| TB triệu Xá (sông Châu Giang) | 5,020 | 5,020 | 5,020 | 5,020 | 5,020 | 5,020 | 5,020 | ≥ 4 |
| Đập La Chợ | 6,689 | 6,676 | 6,665 | 6,654 | 6,644 | 6,634 | 6,624 | ≥ 4 |
| Đập Biên Hòa | 5,020 | 5,020 | 5,020 | 5,020 | 5,020 | 5,020 | 5,020 | ≥ 4 |
| Đập Vùa (CG12) | 6,817 | 6,815 | 6,810 | 6,805 | 6,798 | 6,791 | 6,785 | ≥ 4 |
| Cầu Chủ (sông Châu Giang) | 6,609 | 6,602 | 6,591 | 6,579 | 6,566 | 6,553 | 6,539 | ≥ 4 |
| Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy) | 5,484 | 5,497 | 5,531 | 5,556 | 5,571 | 5,580 | 5,585 | ≥ 4 |
| Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh) | 5,244 | 5,141 | 5,039 | 4,951 | 4,877 | 4,816 | 4,765 | ≥ 4 |
| Đầu kênh T6 | 5,207 | 5,154 | 5,112 | 5,079 | 5,052 | 5,030 | 5,011 | ≥ 4 |

| $NO_3^-$ | | | | | | | | B1-QCVN 08-2015 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Vị trí** | **Tuần dự báo** | | | | | | | |
| | **18/05** | **19/05** | **20/05** | **21/05** | **22/05** | **23/05** | **24/05** | |
| Cống Như Trác | 1,000 | 1,000 | 1,000 | 1,000 | 1,000 | 1,000 | 1,000 | **≤ 10** |
| Cống Hữu Bị | 1,081 | 1,088 | 1,095 | 1,102 | 1,108 | 1,116 | 1,124 | **≤ 10** |
| Cống Cốc Thành | 1,667 | 1,671 | 1,677 | 1,686 | 1,697 | 1,707 | 1,718 | **≤ 10** |
| Cống sông Chanh | 11,172 | 11,200 | 11,217 | 11,229 | 11,237 | 11,244 | 11,249 | **≤ 10** |
| Cống Nhâm Tràng | 1,000 | 1,000 | 1,000 | 1,000 | 1,000 | 1,000 | 1,000 | **≤ 10** |
| Cống Kinh Thanh | 3,783 | 3,764 | 3,769 | 3,818 | 3,919 | 4,074 | 4,278 | **≤ 10** |
| Cống Cổ Đam | 3,672 | 3,960 | 4,348 | 4,791 | 5,259 | 5,733 | 6,202 | **≤ 10** |
| Cống Vĩnh Trị | 3,712 | 3,721 | 3,731 | 3,740 | 3,749 | 3,759 | 3,769 | **≤ 10** |
| Đầu kênh T3 | 2,952 | 2,960 | 2,993 | 3,041 | 3,095 | 3,149 | 3,201 | **≤ 10** |
| Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21) | 2,478 | 2,455 | 2,458 | 2,473 | 2,495 | 2,521 | 2,548 | **≤ 10** |
| Cầu đường 10 với sông Sắt | 3,649 | 3,659 | 3,670 | 3,682 | 3,694 | 3,706 | 3,719 | **≤ 10** |
| Đập An Bài (sông Châu Giang) | 1,897 | 1,915 | 1,939 | 1,967 | 1,998 | 2,031 | 2,064 | **≤ 10** |
| TB triệu Xá (sông Châu Giang) | 1,270 | 1,270 | 1,270 | 1,270 | 1,270 | 1,270 | 1,270 | **≤ 10** |
| Đập La Chợ | 1,389 | 1,434 | 1,470 | 1,502 | 1,531 | 1,559 | 1,586 | **≤ 10** |
| Đập Biên Hòa | 0,799 | 0,799 | 0,799 | 0,799 | 0,799 | 0,799 | 0,799 | **≤ 10** |
| Đập Vùa (CG12) | 0,943 | 0,951 | 0,965 | 0,982 | 1,001 | 1,020 | 1,039 | **≤ 10** |
| Cầu Chủ (sông Châu Giang) | 1,534 | 1,548 | 1,574 | 1,605 | 1,639 | 1,674 | 1,709 | **≤ 10** |
| Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy) | 6,945 | 7,882 | 8,597 | 9,151 | 9,596 | 9,968 | 10,289 | **≤ 10** |
| Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh) | 5,340 | 5,623 | 5,917 | 6,171 | 6,380 | 6,548 | 6,682 | **≤ 10** |
| Đầu kênh T6 | 2,005 | 2,012 | 2,024 | 2,043 | 2,065 | 2,087 | 2,109 | **≤ 10** |

| Vị trí | BOD$_5$ | | | | | | | B1-QCVN 08-2015 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tuần dự báo | | | | | | | |
| | **18/05** | **19/05** | **20/05** | **21/05** | **22/05** | **23/05** | **24/05** | |
| Cống Như Trác | 7,500 | 7,500 | 7,500 | 7,500 | 7,500 | 7,500 | 7,500 | **≤ 15** |
| Cống Hữu Bị | 6,002 | 6,038 | 6,073 | 6,107 | 6,142 | 6,179 | 6,220 | **≤ 15** |
| Cống Cốc Thành | 17,267 | 17,372 | 17,478 | 17,574 | 17,659 | 17,736 | 17,804 | **≤ 15** |
| Cống sông Chanh | 24,178 | 24,253 | 24,304 | 24,341 | 24,369 | 24,390 | 24,407 | **≤ 15** |
| Cống Nhâm Tràng | 7,500 | 7,500 | 7,500 | 7,500 | 7,500 | 7,500 | 7,500 | **≤ 15** |
| Cống Kinh Thanh | 13,463 | 13,395 | 13,348 | 13,334 | 13,355 | 13,411 | 13,499 | **≤ 15** |
| Cống Cổ Đam | 12,563 | 12,797 | 13,060 | 13,343 | 13,638 | 13,935 | 14,229 | **≤ 15** |
| Cống Vĩnh Trị | 17,494 | 17,513 | 17,528 | 17,542 | 17,556 | 17,571 | 17,588 | **≤ 15** |
| Đầu kênh T3 | 12,670 | 13,266 | 13,804 | 14,282 | 14,706 | 15,080 | 15,413 | **≤ 15** |
| Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21) | 11,594 | 11,515 | 11,528 | 11,592 | 11,684 | 11,793 | 11,911 | **≤ 15** |
| Cầu đường 10 với sông Sắt | 17,092 | 17,096 | 17,109 | 17,130 | 17,157 | 17,188 | 17,223 | **≤ 15** |
| Đập An Bài (sông Châu Giang) | 9,504 | 9,575 | 9,672 | 9,786 | 9,911 | 10,043 | 10,179 | **≤ 15** |
| TB triệu Xá (sông Châu Giang) | 15,900 | 15,900 | 15,900 | 15,900 | 15,900 | 15,900 | 15,900 | **≤ 15** |
| Đập La Chợ | 7,156 | 7,323 | 7,465 | 7,593 | 7,714 | 7,831 | 7,948 | **≤ 15** |
| Đập Biên Hòa | 12,500 | 12,500 | 12,500 | 12,500 | 12,500 | 12,500 | 12,500 | **≤ 15** |
| Đập Vùa (CG12) | 5,443 | 5,479 | 5,544 | 5,626 | 5,716 | 5,808 | 5,901 | **≤ 15** |
| Cầu Chủ (sông Châu Giang) | 7,992 | 8,056 | 8,167 | 8,301 | 8,446 | 8,594 | 8,741 | **≤ 15** |
| Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy) | 13,947 | 14,465 | 14,919 | 15,280 | 15,572 | 15,814 | 16,023 | **≤ 15** |
| Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh) | 12,605 | 13,944 | 15,158 | 16,175 | 17,007 | 17,684 | 18,235 | **≤ 15** |
| Đầu kênh T6 | 16,031 | 16,257 | 16,479 | 16,679 | 16,858 | 17,017 | 17,158 | **≤ 15** |

| $NH_4^+$ | | | | | | | | B1-QCVN 08-2015 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Vị trí** | **Tuần dự báo** | | | | | | | |
| | **18/05** | **19/05** | **20/05** | **21/05** | **22/05** | **23/05** | **24/05** | |
| Cống Như Trác | 0,200 | 0,200 | 0,200 | 0,200 | 0,200 | 0,200 | 0,200 | **≤ 0,9** |
| Cống Hữu Bị | 0,330 | 0,334 | 0,337 | 0,341 | 0,344 | 0,348 | 0,352 | **≤ 0,9** |
| Cống Cốc Thành | 1,019 | 1,028 | 1,036 | 1,043 | 1,049 | 1,055 | 1,060 | **≤ 0,9** |
| Cống sông Chanh | 1,599 | 1,604 | 1,608 | 1,610 | 1,612 | 1,614 | 1,615 | **≤ 0,9** |
| Cống Nhâm Tràng | 0,200 | 0,200 | 0,200 | 0,200 | 0,200 | 0,200 | 0,200 | **≤ 0,9** |
| Cống Kinh Thanh | 1,017 | 1,012 | 1,010 | 1,009 | 1,010 | 1,012 | 1,016 | **≤ 0,9** |
| Cống Cổ Đam | 0,932 | 0,951 | 0,967 | 0,982 | 0,996 | 1,008 | 1,019 | **≤ 0,9** |
| Cống Vĩnh Trị | 1,319 | 1,323 | 1,326 | 1,329 | 1,333 | 1,336 | 1,339 | **≤ 0,9** |
| Đầu kênh T3 | 0,778 | 0,823 | 0,863 | 0,898 | 0,929 | 0,957 | 0,982 | **≤ 0,9** |
| Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21) | 0,840 | 0,832 | 0,834 | 0,840 | 0,849 | 0,860 | 0,871 | **≤ 0,9** |
| Cầu đường 10 với sông Sắt | 1,290 | 1,293 | 1,296 | 1,300 | 1,304 | 1,309 | 1,314 | **≤ 0,9** |
| Đập An Bài (sông Châu Giang) | 0,639 | 0,646 | 0,655 | 0,666 | 0,678 | 0,691 | 0,704 | **≤ 0,9** |
| TB triệu Xá (sông Châu Giang) | 0,140 | 0,140 | 0,140 | 0,140 | 0,140 | 0,140 | 0,140 | **≤ 0,9** |
| Đập La Chợ | 0,445 | 0,461 | 0,474 | 0,486 | 0,497 | 0,508 | 0,519 | **≤ 0,9** |
| Đập Biên Hòa | 0,760 | 0,760 | 0,760 | 0,760 | 0,760 | 0,760 | 0,760 | **≤ 0,9** |
| Đập Vùa (CG12) | 0,285 | 0,288 | 0,294 | 0,302 | 0,310 | 0,319 | 0,328 | **≤ 0,9** |
| Cầu Chủ (sông Châu Giang) | 0,504 | 0,510 | 0,521 | 0,533 | 0,547 | 0,560 | 0,574 | **≤ 0,9** |
| Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy) | 1,001 | 1,003 | 1,004 | 1,007 | 1,010 | 1,014 | 1,018 | **≤ 0,9** |
| Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh) | 0,818 | 0,911 | 0,996 | 1,068 | 1,126 | 1,174 | 1,213 | **≤ 0,9** |
| Đầu kênh T6 | 0,954 | 0,971 | 0,988 | 1,003 | 1,016 | 1,028 | 1,039 | **≤ 0,9** |

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Cống Sông Chanh.

Kết quả dự báo $NO_3^-$ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Cống Sông Chanh.

Các vị trí có hàm lượng $BOD_5$ trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Cống Cốc Thành, Sông Chanh, Vĩnh Trị, Cầu đường 10, TB Triệu Xá, Cầu Yên Trung, Đầu kênh C19, Đầu Kênh T6.

Các vị trí có hàm lượng $NH_4^+$ trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT là Cống Cốc Thành, Sông Chanh, Kinh Thanh, Cổ Đam, Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10, Cầu Yên Trung, Đầu kênh C19, Đầu Kênh T6.

## III. Các đề xuất, kiến nghị

### 1. Nhận xét

Chất lượng nước hệ thống Bắc Nam Hà trong thời đoạn dự báo có nhiều vị trí vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT hơn tuần trước.

### 2. Đề xuất.

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống.

### 3. Dự báo chung.

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như $BOD_5$, $NH_4^+$, $NO_3^-$ sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước DO sẽ có xu hướng giảm./.

***Nơi nhận:*** **VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.